

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- Đ
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HSST
Ngày: 16 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Việt Hà

2. Ông Vừ A Sinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Đ, tỉnh Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Trí Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Hoài N**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 18/08/1997, tại tỉnh Đ.

Căn cước công dân số: 011097001497; Cấp ngày: 28/6/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH- Bộ công an;

Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã T, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Thái; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Hoàng Trọng T và bà: **Lường** Thị H; Bố nuôi: Lò Văn T và mẹ nuôi: Lò Thị H; Có vợ: Lò Kiều L; Con: Bị cáo có 01 sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị Toà án nhân dân nào xét xử, chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 06/8/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Văn L; Địa chỉ: Bản Co Róm, xã T, tỉnh Đ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/8/2025, bị cáo Lò Hoài N một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27AB-001.17 đi từ cửa hàng xe máy cũ L Huyền thuộc tổ 3, phường Mường T, tỉnh Đ đến một ngôi nhà gỗ thuộc bản Pu Nhi, xã Pu Nhi, tỉnh Đ để đón người đàn ông tên Tòng Văn T. Tại đây N xin T cho sử dụng ma túy cùng, T đồng ý. Sử dụng ma túy xong, T nhờ N cầm 01 gói ma túy có đặc điểm được gói ngoài bằng 06 lớp nilon màu trắng, bên trong là 02 lớp nilon màu xanh, trong cùng có chứa 98 viên nén màu hồng giao cho 01 người đàn ông ở phường B (đường sau Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ) và thu của người đàn ông 1.600.000 đồng, T sẽ trả cho N 300.000 đồng tiền công, N đồng ý. N nhận ma túy từ T và cất giấu trong lòng bàn tay trái rồi một mình điều khiển xe máy về phường B, tỉnh Đ. Hồi 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi N đang ngồi trên xe máy BKS 27AB-001.17 thuộc khu vực tổ dân phố 09, phường B, tỉnh Đ thì bị tổ công tác của Công an phường B, tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại đồ vật hồi 00 giờ 30 phút, ngày 07/8/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và kết luận giám định số: 793/KL-KTHS ngày 12/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu các viên nén màu hồng thu giữ của Lò Hoài N gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 9,78 gam.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSKV1 ngày 05/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ đã truy tố bị cáo Lò Hoài N về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Hoài N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 9,44 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 06 mảnh nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lò Hoài N không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 06/8/2025, tại tổ dân phố 9, phường B, tỉnh Đ, Lò Hoài N có hành vi bán trái phép 9,78 gam Methamphetamine, để lấy tiền công 300.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21 giờ 00 phút ngày 06/8/2025, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại đồ vật hồi 00 giờ 30 phút, ngày 07/8/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và kết luận giám định số: 793/KL-KTHS ngày 12/8/2025, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép 9,78 gam Methamphetamine, với mục đích để bán của bị cáo Lò Hoài N là phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhân thân: Chưa bị Tòa án nhân dân nào xét xử, chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý hành chính.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người sử dụng ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Đối với Tòng Văn T đã nhờ Lò Hoài N bán trái phép chất ma túy cho người đàn ông ở phường B, qua xác minh tại bản Suối Lư, xã Xa Dung và bản Pu Nhi, xã Pu Nhi không có trường hợp nào tên Tòng Văn T, bị cáo N không nhớ vị trí ngôi nhà mà N và T đã vào để sử dụng ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lò Hoài N, qua xác minh N không thuộc đối tượng quản lý cai nghiện tại địa bàn nên không xử lý N theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015. Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với Lò Hoài N về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPHC ngày 15/10/2025, hình thức xử lý là cảnh cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với 9,44 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 06 mảnh nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy màu đen trắng, biển kiểm soát số 27AB-001.17 thu giữ khi bắt quả tang của Lò Hoài N là của anh Đặng Văn L, anh L không biết N sử dụng chiếc xe máy trên để mua ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho anh L theo Quyết định xử lý vật chứng ngày 10/9/2025, xét việc trao trả là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lò Hoài N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Lò Hoài N phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.
- Xử phạt bị cáo Lò Hoài N 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 06/8/2025).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 9,44 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 06 mảnh nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đ và phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Đ, tỉnh Đ*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lò Hoài N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/01/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Tòa án niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND khu vực 1- Đ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra, Công an tỉnh ĐB;
- Phòng CSTHAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh ĐB;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Phân trại tạm giam Mường T -Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

-

